TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 305/2026/DS - ST
Ngày 30/7/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Thế Tài**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Bá Dương**
Ông **Mai Văn Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Ny** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 102/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1047/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1076/2026/QĐST-DS ngày 08/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty T**. Địa chỉ trụ sở: Tầng A, tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc khu chức năng số A - Số A, đường T, phường A, TP. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chun Young I, Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Minh Đ, chức vụ: Giám Đốc Khối thu hồi nợ theo Giấy uỷ quyền số 048/2024/GUQ-TGĐ ngày 04/10/2024 của Tổng giám đốc. Ông Đ ủy quyền lại cho Công ty L2 theo Giấy ủy quyền số 03/26/UQ-KK-SVFC ngày 12/01/2026. Công ty L2 ủy quyền lại cho **ông Nguyễn Thọ Viết N, bà Phạm Thị Thu H** và **bà Võ Thị Yến N1** theo Văn bản ủy quyền số 75/UQ2026 ngày 22/01/2026. Cùng địa chỉ: đường N, phường H, TP Đà Nẵng. *Bà Võ Thị Yến N1 có mặt.*

***- Bị đơn*:** Ông **Lê Công L**, sinh năm: 1982. CMND số: 201490563 cấp ngày 15/05/2014. HKTT: đường Đ, phường A, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: đường T, phường S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà Võ Thị Yến N1 trình bày:*

Ngày 26/10/2020, Công ty T (Sau đây gọi tắt là "Công ty T" hoặc "Công ty") và ông Lê Công L đã ký kết Hợp đồng cho vay số 100401891.

Theo Hợp đồng cho vay số 100401891 ngày 26/10/2020, Công ty T cho ông Lê Công L vay số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* với lãi suất thỏa thuận 24.5%/năm, mục đích vay: Chi phí sửa chữa nhà ở; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Ngày 26/10/2020 công ty T đã giải ngân đủ số tiền 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)* cho ông Lê Công L.

Căn cứ quy định của hợp đồng cho vay số 100401891, ông Lê Công L có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 48 kỳ vào ngày 01 hàng tháng, mỗi tháng trả 6.599.546 đồng, kỳ đầu tiên vào ngày 01/12/2020, riêng kỳ cuối cùng trả 6.599.542 đồng vào ngày 01/11/2024.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay số 100401891, ông Lê Công L đã không thanh toán đầy đủ cho Công ty T, chỉ mới thanh toán cho Công ty T1 kỳ với tổng số tiền là 158.389.104 đồng. Trong đó: Gốc đã trả: 75.738.990 đồng; Lãi đã trả: 82.650.114 đồng.

Kể từ sau kỳ thứ 24, cho đến nay ông Lê Công Lưu không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty T mặc dù Công ty T đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Việc ông Lê Công Lưu không thanh toán tiền cho Công ty T là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm thỏa thuận Hợp đồng, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Vì vậy, Công ty T kính đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng giải quyết các yêu cầu sau đây:

1. Yêu cầu ông Lê Công L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng cho vay số 100401891 tạm tính đến hết ngày 30/7/2026 (ngày tạm tính), như sau:

- Nợ gốc	124.261.010 đồng
- Nợ lãi trong hạn	34.128.090 đồng
- Lãi quá hạn	119.836.076 đồng
TỔNG CỘNG	**278.225.176** đồng

(Bằng chữ: Hai trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng).

2. Yêu cầu ông Lê Công L tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng 100401891 trên số dư nợ gốc kể từ ngày 31/7/2026 cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

* Bị đơn ông Lê Công L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông L vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 3 Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Công ty T đối với ông Lê Công L.

Buộc ông Lê Công L phải thanh toán cho Công ty số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/07/2026 là: 278.225.176 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 124.261.010 đồng; lãi trong hạn: 34.128.090 đồng; lãi quá hạn: 119.836.076 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 31/7/2026 trên dư nợ gốc cho đến khi trả hết khoản nợ theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 100401891 ngày 26/10/2020.

Án phí DS-ST: Ông Lê Công L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Công ty T và ông Lê Công L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Lê Công L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng cho vay số 100401891 ngày 26/10/2020 giữa Công ty T và ông Lê Công L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Sau khi được giải ngân khoản vay, căn cứ vào lịch trả nợ ông L chỉ mới thanh toán cho Công ty T được 24 kỳ với tổng số tiền là 158.389.104 đồng. Trong đó: gốc đã trả: 75.738.990 đồng; lãi đã trả: 82.650.114 đồng. Kể từ sau kỳ thứ 24, cho đến nay ông Lê Công Lưu không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Công ty T mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thanh toán.

Như vậy, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Công ty T yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Công L phải trả số tiền tính đến ngày 30/7/2026 là 278.225.176 đồng, trong đó: dư nợ: 124.261.010 đồng; Lãi trong hạn: 34.128.090 đồng; Lãi quá hạn: 119.836.076 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2026 nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 31/7/2026 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi ông Lê Công L thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Lê Công L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo

quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp trong vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2026 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Công ty T đối với ông Lê Công L.

1. Xử: Buộc ông Lê Công L phải trả cho Công ty T số tiền tính đến ngày 30/7/2026 là 278.225.176 đồng (*Hai trăm bảy mươi tám triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm bảy mươi sáu đồng)*, trong đó: Dư nợ: 124.261.010 đồng; Lãi trong hạn: 34.128.090 đồng; Lãi quá hạn: 119.836.076 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 31/7/2026 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng cho vay số 100401891 ngày 26/10/2020 cho đến khi ông Lê Công L thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí DS - ST: 13.911.259 đồng *(Mười ba triệu, chín trăm mười một nghìn, hai trăm năm mươi chín đồng)* ông Lê Công L phải chịu. Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí 6.229.979 đồng theo biên lai thu số 0001654 ngày 26/02/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV2 - ĐN;
- Đương sự;
- Phòng THADS KV2-ĐN;
- Lưu hồ sơ.

TAND KHU VỰC 2

JBH300726.TL.QDBA
1764

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Thế Tài